

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 132/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 12061/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 198/BC-BKTNS ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 12181/UBND-XDND ngày 07 tháng 12 năm 2022 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2023 như sau:

1. Tổng vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương: 3.617,206 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 2.747,206 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 650 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 220 tỷ đồng.

(Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài

trợ nước ngoài, nguồn bồi chi: thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).

2. Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 235,753 tỷ đồng.

3. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

3.1. Ngân sách cấp tỉnh quản lý đầu tư: 2.920,959 tỷ đồng, Trong đó:

a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 2.685,206 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung là: 2.255,206 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 210 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 220 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 235,753 tỷ đồng.

3.2. Ngân sách cấp huyện quản lý đầu tư: 932 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 492 tỷ đồng.
- Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 440 tỷ đồng.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công, danh mục chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện (theo các Phụ lục I, II, III, IV đính kèm).

Điều 2. Các giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục thực hiện công tác tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ. Không bố trí danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2023 nếu chưa được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm cấp xã) thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ và số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ trong bản kế hoạch này.

3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023-2025, dự kiến nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất từng năm để tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh, bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để thực hiện đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm (đã được thống nhất về danh mục theo Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 30 tháng 9 năm 2022, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII) và Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để bổ sung nguồn vốn cho các dự án đầu tư công năm 2023.

- Xác định nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2023-2027 khi thực hiện khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm.

- Thực hiện công tác xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong trong giai đoạn 2022-2027 khi thực hiện điểm b khoản 9 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Báo cáo Chính phủ, các bộ ngành Trung ương hỗ trợ nguồn vốn ngân sách Trung ương cho các dự án đầu tư công trọng điểm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, góp phần hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các bộ ngành Trung ương về rà soát kế hoạch đầu tư công; trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

4. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư (cả

chủ đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách), của Ủy ban nhân dân cấp huyện để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm.

5. Các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ,... năm 2023 đẩy nhanh tiến độ thi công và nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao. Tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh, rà soát các vướng mắc cụ thể về cơ chế chính sách đã ban hành làm ảnh hưởng đến công tác tạm ứng, thanh toán vốn (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xin ý kiến xử lý.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Mạnh Dũng

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2022							Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CĐNS địa phương	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSĐP, vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
	TỔNG SỐ																3.852.959	2.747.206	650.000	220.000	235.753	
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ																2.920.959	2.255.206	210.000	220.000	235.753	
A.1	Trả nợ vốn vay và hoàn trả số tiền ứng trước tiền thuê đất đã nộp cho các nhà đầu tư tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh									30.918	30.918						141.845	141.845				
-	Trả nợ vốn vay									30.918	30.918						41.845	41.845				
-	Hoàn trả số tiền ứng trước tiền thuê đất đã nộp cho các nhà đầu tư tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh																100.000	100.000				
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư									26.931	26.931						15.000	15.000				
A.3	Vốn thực hiện đầu tư																2.764.114	2.098.361	210.000	220.000	235.753	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																108.661	19.661		89.000		
I.1	Cấp tỉnh quản lý																96.161	7.161		89.000		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																96.161	7.161		89.000		
1	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất và xây mới nhà vệ sinh khu C Trường Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa	Sở LĐ	Tp. Nha Trang	2022-2024	23/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	218/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	7.380	7.380		3.600	3.600						3.780			3.780		
2	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú Khánh Sơn (giai đoạn 2)	Sở LĐ	Khánh Sơn	2021-2023	52/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	2231/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	19.905	19.905		5.000	5.000						14.900			14.900		
3	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh	Sở LĐ	Vạn Ninh	2022-2023	20/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	910/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	3.998	3.998		1.349	1.349						2.641			2.641		
4	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CD Sư phạm Nha Trang	BQL DAĐT XD các CT DD và CN	NT	2012-2022		2162/QĐ-UBND ngày 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND ngày 06/10/2020; 2140/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	74.935	74.935		46.895	46.895						22.955	7.161		15.794		

5	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DAĐT XD các CT GT	NT	2006- 2023		131/QĐ-UBND ngày 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND ngày 08/10/2014; 96/QĐ-UBND ngày 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	562.820	562.820		197.723	197.723						51.885			51.885		
I.2	Hỗ trợ cấp huyện																12.500	12.500				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																12.500	12.500				
1	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2-6	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	các trường	2021	81/NQ-HĐND ngày 04/8/2021	15735/QĐ- UBND ngày 09/12/2021	17.968	12.500									12.500	12.500				
II	Khoa học, công nghệ																60.000	60.000				
(1)	Sở KHCN																60.000	60.000				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																60.000	60.000				
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	2016- 2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3126A/QĐ- UBND ngày 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 848/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	137.21 5	137.215		17.636	17.636						30.000	30.000				
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	2019- 2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	97.586	97.586		4.300	4.300						30.000	30.000				
III	Y tế, dân số và gia đình																173.385	10.385	32.000	131.000		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																153.385	10.385	32.000	111.000		
1	Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	NT	2016- 2023	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	3123/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3306/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 2287/QĐ-UBND ngày 17/8/2022; 3355/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	560.862	224.862	336.000	399.100	399.100						101.000			101.000		
2	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	Sở Y tế	NT	2019- 2023	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	812/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1189/QĐ-UBND ngày 25/5/2020	355.296	355.296		278.881	258.881		20.00 0				42.000		32.000	10.000		
3	Sửa chữa các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022	Sở Y tế	toàn tỉnh	2022	07/NQ-HĐND ngày 7/4/2022	2377/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.885	14.885		4.500	3.428		1.072				10.385	10.385				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																20.000			20.000		
1	Trung tâm Y tế Cam Ranh	Sở Y tế	CR	2021- 2024	14/NQ-HĐND ngày 15/01/2021	622/QĐ-UBND ngày 01/3/2022; 1143/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	61.702	61.702		2.000	2.000						10.000			10.000		
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (mở rộng 50 giường)	Sở Y tế	NH	2021- 2024	31/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	1646/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	87.726	87.726		24.726	24.726						10.000			10.000		
IV	Văn hóa thông tin																17.994	17.994				

I.1	Cấp tỉnh quản lý																2.300	2.300				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																2.300	2.300				
1	Tu bổ di tích Phủ đường Ninh Hòa	Sở VH TT	Ninh Hòa	2021-2023	119/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	1812/QĐ-UBND ngày 24/6/2022; 2536/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	3.359	3.359		1.000	1.000						2.300	2.300				
I.2	Hỗ trợ cấp huyện																15.694	15.694				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																15.694	15.694				
1	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	TT Tô Hạp	2020-2021	07/NQ-HĐND ngày 02/6/2020; 51/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	2416/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	25.000	20.000		4.306	4.306						15.694	15.694				
V	Phát thanh, truyền hình, thông tấn																40.000	40.000				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																40.000	40.000				
1	Đầu tư, mua sắm hệ thống thiết bị kỹ thuật phụ vụ sản xuất, phát sóng chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	Đài PTTH Khánh Hòa	NT	2021-2024	63/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	510/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	200.000	200.000		1.300	1.300						40.000	40.000				
VI	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)																263.545	161.345	102.200			
I.1	Cấp tỉnh quản lý																256.045	153.845	102.200			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																206.045	103.845	102.200			
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2023	412/HĐND ngày 13/12/2017	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	759.516	546.733	212.783	497.448	284.665				212.783		203.045	100.845	102.200			
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	Sở TNMT	toàn tỉnh	2017-2023		2941/QĐ-UBND ngày 03/10/2016; 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	52.460	10.049	42.411	38.910	3.000	500			17.705	17.705	3.000	3.000				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																50.000	50.000				
1	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	2017-2024	582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016; 98/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	3348A/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2925/QĐ-UBND ngày 27/10/2020; 2984/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	1.607.510	254.611	1.352.899	751.645	81.079				251.438	419.128	50.000	50.000				
I.2	Hỗ trợ cấp huyện																7.500	7.500				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																7.500	7.500				
1	Hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt tại bãi rác Hòn Rọ	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ninh Hòa	xã Ninh An	2022-2023	02/NQ-HĐND ngày 15/4/2022; 17/NQ-HĐND ngày 08/8/2022	1290a/QĐ-UBND ngày 12/7/2022; 3107/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	14.967	10.500		3.000	1.950		1.050				7.500	7.500				
VII	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																250.587	229.787	20.800			
I.1	Cấp tỉnh quản lý																148.487	141.687	6.800			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																133.000	133.000				

1	Hồ chứa nước Đắc Lộc	Sở NN&PTNT	Nha Trang	2014- 2023		2733/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 2423/QĐ-UBND ngày 16/8/2017; 186/QĐ-UBND ngày 21/01/2020; 673/QĐ-UBND ngày 18/3/2021; 3285/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	207.363	155.363	52.000	185.876	140.076			45.800			8.000	8.000				
2	Kè bờ phường Vĩnh Nguyên	Sở NN&PTNT	Nha Trang	2019- 2023	03/NQ-HĐND ngày 10/4/2019	3335/QĐUBND ngày 31/10/2019; 2581/QĐ-UBND ngày 24/9/2020; 3221/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	201.082	101.082	100.000	15.000	15.000						85.000	85.000				
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	CR, NT	2020- 2023	11/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1856/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	299.662	99.662	200.000	144.132	31.000			113.132			39.000	39.000				
4	Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	DK	2020- 2022	10/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2637/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2286/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	90.605	10.605	80.000	32.373	552			31.821			1.000	1.000				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																8.687	8.687				
1	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở NN&PTNT	Cam Lâm	2021- 2025	529/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	66.009	9.260	56.749	6.300	800			5.500			2.000	2.000				
2	Các dự án hỗ trợ phát triển rừng																					
-	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương	Khánh Vĩnh	2021- 2025	46/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4779/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	9.000	9.000		3.540	3.540						3.020	3.020				
-	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa	Ninh Hòa, Vạn Ninh	2021- 2025	47/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	307/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	5.880	5.880		3.000	3.000						1.000	1.000				
-	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021- 2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		580	580						434	434				
-	Bảo vệ và phát triển rừng khu Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2021 - 2025	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	CL, DK, KS, KV	2021- 2025	49/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4953/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.659	1.659		899	899						300	300				
-	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh - Khánh Sơn giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa	CL, CR, KS	2021- 2025	50/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	308/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	10.350	10.350		4.733	4.733						1.933	1.933				
<i>c</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>																6.800		6.800			
1	Sửa chữa mái hạ lưu hồ chứa nước Đá Bàn (phần còn lại)	Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi KH	Ninh Hòa	2022- 2023	107/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	1960/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	7.685	7.685									2.300		2.300			
2	Sửa chữa mái hạ lưu hồ chứa nước Hoa Sơn (phần còn lại)	Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi KH	Vạn Ninh	2022- 2023	108/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	1961/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	14.973	14.973									4.500		4.500			

1.2	Hỗ trợ cấp huyện																102.100	88.100	14.000			
(1)	Thị xã Ninh Hòa																61.000	51.000	10.000			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																60.900	50.900	10.000			
1	Kè, đập ngăn mặn sông Đá Hòn	UBND TX Ninh Hòa	Ninh Đa	2020-2022	14/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2639/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 3803/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	120.000	60.000	40.000	30.400	400			30.000			47.100	37.100	10.000			
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ Sờ Quan Ninh Lộc	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Ninh Lộc	2021-2023	42/NQ-HĐND ngày 16/10/2020	681/QĐ-UBND ngày 24/02/2021	10.891	8.000		2.000	2.000						6.000	6.000				
3	Kè bờ tả sông Cái đoạn qua thôn Bình Thành xã Ninh Bình	UBND xã Ninh Bình	Ninh Bình	2022-2023	44/NQ-HĐND ngày 21/6/2022	652/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	4.966	4.900		1.000	1.000						3.900	3.900				
4	Kiên cố hóa nương chính thôn Tân Bình, đoạn nương từ nhà ông Phận đến Suối Gầm	UBND xã Ninh Bình	Ninh Bình	2022-2023	46/NQ-HĐND ngày 21/6/2022	654/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	5.027	4.900		1.000	1.000						3.900	3.900				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																100	100				
1	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa giai đoạn 2021-2025	Ban QLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2022-2024	105/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1170/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	500	500		197	197						100	100				
(2)	Huyện Vạn Ninh																20.000	20.000				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																20.000	20.000				
1	Kè bờ tả, hữu sông Tô Giang, đoạn từ Quốc lộ 1A đến đập Hải Triều xã Vạn Phước	Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh	xã Vạn Phước	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 17/3/2021; 109/NQ-HĐND ngày 24/8/2021	545/QĐ-UBND ngày 17/6/2021; 871/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	58.000	50.000		9.338	9.338						20.000	20.000				
(3)	Huyện Diên Khánh																100	100				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																100	100				
1	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2021-2025	125/NQ-HĐND ngày 14/9/2021	1330/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	420	420		170	170						100	100				
(4)	Huyện Cam Lâm																10.200	10.200				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																10.200	10.200				
1	Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sắt tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm	BQLDA huyện Cam Lâm	Cam An Bắc	2021-2023	3915/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 2525/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	39.493	30.870		2.519	2.519						10.000	10.000				
2	Hỗ trợ đầu tư trồng cây phân tán huyện Cam Lâm, giai đoạn 2021-2025	BQLDA phát triển rừng sản xuất huyện Cam Lâm	Cam Lâm	2021-2025	07/NQ-HĐND ngày 07/4/2021	752/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	910	910		300	300						200	200				
(5)	Huyện Khánh Sơn																300	300				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																300	300				
1	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 (huyện Khánh Sơn)	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Sơn	Khánh Sơn	2021-2025	193/QĐ-UBND ngày 03/3/2021	630/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	1.999	1.999		867	867						300	300				
(6)	TP Nha Trang																100	100				

	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																100	100				
1	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang	Nha Trang	2021-2025	135/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	3470/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	385	385		97	97						100	100				
(7)	TP Cam Ranh																10.400	6.400	4.000			
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>																6.300	6.300				
1	Kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3, TP Cam Ranh	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	phường Ba Ngòi, Cam Ranh	2018-2021	27/HĐND ngày 31/3/2017	1507/QĐ-UBND ngày 24/10/2017; 1625/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; 718/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	80.000	24.500	45.000	61.500	16.500			45.000			6.300	6.300				
b	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																100	100				
1	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh	Cam Ranh	2021-2025	24/NQ-HĐND ngày 26/4/2021	720/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	767	767		410	410						100	100				
c	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>																4.000		4.000			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát lũ của 02 hồ chứa nước Suối Hành, Tà Rục	UBND TP Cam Ranh	Cam Phước Đông, Cam Ranh	2021-2024	30/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	1829/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	90.000	27.000	63.000	1.221	1.221						4.000		4.000			
VIII	Giao thông																300.303	295.303	5.000			
I.1	Cấp tỉnh quản lý																247.003	247.003				
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>																247.003	247.003				
1	Cầu qua sông Kim Bồng	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2023	13/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	131.731	131.731		36.000	36.000						64.000	64.000				
2	Đường D30 - Kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang	2019-2022	262/HĐND ngày 23/8/2018	3286/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 3216/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	129.534	129.534		53.028	53.028						59.000	59.000				
3	Trồng cây xanh dải phân cách đường Võ Nguyên Giáp	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang, Diên Khánh	2021-2024	15/NQ-HĐND ngày 15/01/2021	2047/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	84.918	84.918		51.900	51.900						24.100	24.100				
4	Đường Tỉnh lộ 3	BQL DAĐT XD các CT GT	NT - CL	2018-2022	32/NQ-HĐND ngày 6/12/2018	288/QĐ-UBND ngày 28/01/2019; 1526/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 4248/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	340.750	340.750		195.097	195.097						99.903	99.903				
I.2	Hỗ trợ cấp huyện																53.300	48.300	5.000			
(1)	Huyện Vạn Ninh																8.300	8.300				
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>																3.500	3.500				

1	Đường Lê Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường ray xe lửa)	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	VN	2018-2022	1047/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 120/NQ-HĐND ngày 26/11/2021	1943/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2068/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; 1483/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	36.200	23.892		20.392	20.392						3.500	3.500				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																4.800	4.800				
1	Nâng cấp, mở rộng Bến tổng hợp Vạn Giã, huyện Vạn Ninh	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã	2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	912/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	26.331	16.300		6.500	6.500						4.800	4.800				
(2)	Huyện Diên Khánh																20.000	20.000				
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																20.000	20.000				
1	Đường gom dọc Quốc lộ 27C khu đô thị Hành chính huyện Diên Khánh	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	D.Thành, D.Lạc	2021-2023	31/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	25/QĐ-UBND ngày 8/02/2021	29.999	25.000		6.000	6.000						10.000	10.000				
2	Mở rộng Hương lộ 5 (từ Tinh lộ 8 - Am Chúa)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Điền	2021-2023	25/NQ-HĐND ngày 20/7/2020; 109/HĐND ngày 24/12/2020	49/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	85.706	50.000		8.000	8.000						10.000	10.000				
(3)	Huyện Khánh Sơn																15.000	15.000				
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																15.000	15.000				
1	Xây dựng cầu Sơn Trung huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	TT Tô Hạp và xã Sơn Trung	2021-2025	28/NQ-HĐND ngày 18/8/2020	2593/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	40.000	30.000		10.486	10.486						15.000	15.000				
(4)	TP Cam Ranh																10.000	5.000	5.000			
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>																5.000	5.000				
1	Đường vào khu dân cư liên thôn Sông Cạn Trung - Sông Cạn Đông, xã Cam Thịnh Tây	UBND TP Cam Ranh	Cam Thịnh Tây	2022-2023	26/NQ-HĐND ngày 27/6/2022	664/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	6.000	6.000		1.000			1.000				5.000	5.000				
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>																5.000		5.000			
1	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương bằng đến đường Lê Lợi (đường C1)	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	CPhủ-CPNam-CPBắc	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 21/12/2020	645/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	197.340	29.000	120.000	957	957						5.000		5.000			
IX	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế																12.861	12.861				
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>																12.861	12.861				
1	Sửa chữa đường Đầm Môn ĐT.651, đoạn Km14+370 – Km17+900	BQL KKT Văn phong	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2022-2023	15/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	151/QĐ-KKT ngày 31/8/2022	14.853	14.853		3.517	3.517						11.336	11.336				
2	Mở rộng dải cây xanh cách ly Cụm CN Đặc Lọc	Sở Công Thương	Nha Trang	2018-2022	829/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	3413/QĐ-UBND ngày 8/11/2018; 2611/QĐ-UBND ngày 26/9/2020; 861/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	4.631	4.631		2.046	2.046						1.525	1.525				
X	Xã hội																20.000	20.000				
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																20.000	20.000				
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	2021-2024	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	59.941	59.941		11.434	10.000	1.434					20.000	20.000				

XI	Quản lý nhà nước																7.201	7.201				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																7.201	7.201				
1	Cải tạo trụ sở làm việc Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong	BQL KKT Vân phong	Nha trang	2021-2023	90/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	4766/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	8.015	8.015		3.599	3.599						4.401	4.401				
2	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Nha Trang	2022-2023	10/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2809/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	3.802	3.802		1.000	1.000						2.800	2.800				
XII	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội																45.018	45.018				
(1)	Công an tỉnh																5.000	5.000				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																5.000	5.000				
1	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	Nha Trang	2017-2022	2409/QĐ-BCA-H43 21/6/2016	285/QĐ-H41-H45 ngày 14/10/2016, 119/QĐ-H41-H45 ngày 14/6/2017, 124/QĐ-H41-H45 ngày 21/6/2017	143.417	50.211	93.206	23.382	23.382						5.000	5.000				
(2)	BCHQS tỉnh																37.418	37.418				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																32.918	32.918				
1	Hội trường Cơ quan Bộ CHQS tỉnh	BCHQS tỉnh	Nha Trang	2021-2023	97/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	1608/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	14.864	14.864		14.282	9.982	4.300					518	518				
2	Đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân	BCHQS tỉnh	Ninh Vân, Ninh Hòa	2020-2023	34/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2947/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 1902/QĐ-UBND ngày 08/7/2021; 3156/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	126.647	76.647	50.000	22.593	7.980			14.613			20.000	20.000				
3	Nhà giáo dục tâm lý và Nhà làm việc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Stung Treng/Campuchia	BCHQS tỉnh	tỉnh Stung Treng/Ca mpuchia	2021-2023	42/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	2783/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	14.921	14.921		2.500	2.500						12.400	12.400				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																4.500	4.500				
1	Công trình phòng thủ	BCHQS tỉnh	Ninh Hưng, Ninh Hòa			700/QĐ-BTL ngày 25/9/2018; 1523/QĐ-BTL ngày 29/9/2020	39.923	39.923		30.500	30.500						4.500	4.500				
(3)	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh																1.600	1.600				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																1.600	1.600				
1	Sửa chữa doanh trại Đồn Biên phòng Cam Ranh	BCH BDBP tỉnh	CR	2022	95/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	1745/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	3.600	3.600		2.000	2.000						1.600	1.600				
(4)	Huyện Trường Sa																1.000	1.000				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																1.000	1.000				
1	Nhà kho lưu trữ UBND huyện Trường Sa	UBND huyện Trường Sa	Trường Sa	2021-2023	93/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	205/QĐ-UBND ngày 19/01/2022	6.480	6.480		5.000	5.000						1.000	1.000				
XIII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư																80.000	30.000	50.000			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																80.000	30.000	50.000			

1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2022	03/NQ-HĐND ngày 31/3/2016	2273/QĐ-UBND ngày 05/8/2016; 3467/QĐ-UBND ngày 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	161.748	161.748		87.166	85.500	1.666					50.000	20.000	30.000			
2	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang	2017-2023	338/NQ-HĐND ngày 27/10/2017	3241/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	90.343	90.343		40.394	40.394						30.000	10.000	20.000			
XIV	Lập quy hoạch tỉnh, các chính đầu tư công khác theo quy định																552.265	316.512			235.753	
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040	Sở Xây dựng	Nha Trang			1456/QĐ-TTg ngày 25/9/2020; 300/QĐ-UBND ngày 03/02/2021	9.795	9.795		8.305	8.305						1.490	1.490				
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022		1.093.899	335.374		38.090	4.772		33.318				167.257	167.257				Chi tiết tại Phụ lục II
3	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022		388.378	37.950	337.720	75.190	4.419		7.144	63.627			93.293	8.865			84.428	Chi tiết tại Phụ lục III
4	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/6/2022		443.032	42.097	400.935	147.618			8.447	139.171			167.225	15.900			151.325	Chi tiết tại Phụ lục IV
5	Trả nợ quyết toán									24.182	24.182						5.000	5.000				
6	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng				11/2021/NQ-HĐND ngày ngày 19/10/2021					27.878	27.878						15.000	15.000				
7	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo NĐ 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế NĐ 210/2013/NĐ-CP)																5.000	5.000				
8	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh				16/2020/NQ-HĐND ngày ngày 07/12/2020												5.000	5.000				
9	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh																93.000	93.000				
XV	Chưa phân bổ																832.294	832.294				
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)																932.000	492.000	440.000			
I	Nguồn XDCB tập trung																492.000	492.000				
1	Thành phố Nha Trang																102.336	102.336				
2	Thành phố Cam Ranh																52.644	52.644				
3	Huyện Cam Lâm																49.200	49.200				
4	Huyện Diên Khánh																64.452	64.452				
5	Thị xã Ninh Hoà																71.832	71.832				
6	Huyện Vạn Ninh																55.104	55.104				

7	Huyện Khánh Vĩnh																55.596	55.596				
8	Huyện Khánh Sơn																40.836	40.836				
II	Nguồn CQSD Đất																440.000		440.000			
1	Thành phố Nha Trang																213.200		213.200			
2	Thành phố Cam Ranh																44.000		44.000			
3	Huyện Cam Lâm																40.000		40.000			
4	Huyện Diên Khánh																27.200		27.200			
5	Thị xã Ninh Hoà																52.000		52.000			
6	Huyện Vạn Ninh																48.000		48.000			
7	Huyện Khánh Vĩnh																12.800		12.800			
8	Huyện Khánh Sơn																2.800		2.800			

Phụ lục II**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023 (ĐỢT 1)***(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND**ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2023
				Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ						167.257
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT				108.982	74.855	72.095
I	HUYỆN VẠN NINH				1.900	570	570
*	Hỗ trợ đầu tư nâng số tiêu chí đạt chuẩn, nâng chất lượng tiêu chí						
	Xã Xuân Sơn				1.900	570	570
	Trung tâm văn hóa thể thao xã và Công viên	UBND xã Xuân Sơn	2023	167/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.900	570	570
II	THỊ XÃ NINH HÒA				18.235	12.088	12.088
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM nâng cao năm 2023						
1	Xã Ninh Bình				1.000	300	300
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc và nhà vệ sinh Sân vận động)	UBND xã Ninh Bình	2023	775/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	1.000	300	300
2	Xã Ninh Hưng				1.196	837	837
	Nâng cấp đường thôn Gò Sấn đoạn Tỉnh lộ 5 cũ	UBND xã Ninh Hưng	2023	216/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	1.196	837	837
3	Xã Ninh Phụng				1.695	1.187	1.187
	Đường liên thôn Vĩnh Phước - Phú Bình	UBND xã Ninh Phụng	2023	838/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	1.695	1.187	1.187
*	Hỗ trợ đầu tư nâng số tiêu chí đạt chuẩn, nâng chất lượng tiêu chí						
1	Xã Ninh Đông				691	207	207
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Hồ bơi)	UBND xã Ninh Đông	2023	328/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	691	207	207
2	Xã Ninh Lộc				2.445	1.711	1.711

	Kiên cố hóa kênh mương ông Thang thôn Phong Thạnh	UBND xã Ninh Lộc	2023	78/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.239	867	867
	Kiên cố hóa kênh mương Trầu	UBND xã Ninh Lộc	2023	77/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.206	844	844
3	Xã Ninh Quang				5.620	3.934	3.934
	Kênh mương BTXM từ N12A đến nhà ông Lộc thôn Tân Quang	UBND xã Ninh Quang	2023	439/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.227	859	859
	Kênh mương BTXM từ đập ông Phích đến nhà ông Đạt thôn Tân Quang	UBND xã Ninh Quang	2023	440/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	993	695	695
	Kênh mương BTXM từ đường nội đồng Đội 3 Phú Hòa đến nhà bà Cút thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2023	441/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.200	840	840
	Kênh mương BTXM từ gấn 4 thôn đến Đình thôn Vạn Hữu	UBND xã Ninh Quang	2023	442/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.100	770	770
	Kênh mương BTXM từ Miếu Phụ Đăng đến đường nội đồng Đội 3 thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2023	443/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.100	770	770
4	Xã Ninh Sơn				1.193	835	835
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 5, đoạn từ TL7 đến nhà ông Thắng	UBND xã Ninh Sơn	2023	260/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	1.193	835	835
5	Xã Ninh Tân				1.000	700	700
	Kênh mương nghĩa xanh phía Nam	UBND xã Ninh Tân	2023	84/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.000	700	700
6	Xã Ninh Trung				3.395	2.377	2.377
	Kênh Khẩu 3 gà đến đồng chiết giang	UBND xã Ninh Trung	2023	563/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.200	840	840
	Kênh bà Mười đến Đồng Đưng	UBND xã Ninh Trung	2023	564/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.000	700	700
	Kênh đất dây thép - miếu Tân Ninh	UBND xã Ninh Trung	2023	562/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.195	837	837
III	HUYỆN DIÊN KHÁNH				76.797	53.760	51.000
*	Hỗ trợ huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện NTM năm 2023				76.797	53.760	51.000
	Nâng cấp đường qua UBND xã Diên Sơn (Đoạn: Tỉnh lộ 8 – Ngã 4 nhà Vuông - Cầu Đồng Lợi)	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	2023	289/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	52.800	36.960	35.000

	Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Trảng Găng	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	2023	290/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	12.000	8.400	8.000
	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện và sân khấu tập luyện, biểu diễn nghệ thuật	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	2023	288/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	11.997	8.400	8.000
IV	THÀNH PHỐ CAM RANH				2.487	1.741	1.741
*	Hỗ trợ đầu tư nâng số tiêu chí đạt chuẩn, nâng chất lượng tiêu chí						
	Xã Cam Phước Đông				2.487	1.741	1.741
	Mương liên cư Khu A	UBND xã Cam Phước Đông	2023	336/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	396	277	277
	Mương Hoàng Đạo	UBND xã Cam Phước Đông	2023	335/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	1.193	835	835
	Mương Giáo Xứ Phú Phong đến Nhà ông Thiên Hòa An	UBND xã Cam Phước Đông	2023	334/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	898	629	629
V	HUYỆN KHÁNH VINH				9.563	6.696	6.696
*	Hỗ trợ đầu tư nâng số tiêu chí đạt chuẩn, nâng chất lượng tiêu chí						
1	Xã Sông Cầu				2.368	1.658	1.658
	Nâng cấp đường từ TTBTXH ra sông, giai đoạn 3	UBND xã Sông Cầu	2023	213/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	600	420	420
	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ trại yến ông Huỳnh Ngọc Minh đến đất ông Tuyên	UBND xã Sông Cầu	2023	214/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	600	420	420
	Nâng cấp hợp thủy hồ điều tra	UBND xã Sông Cầu	2023	215/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	1.168	818	818
2	Xã Khánh Phú				3.993	2.797	2.797
	Bê tông hóa đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Cao Xi Giang	UBND xã Khánh Phú	2023	235/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	999	700	700
	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Xuân Nhị đến đất bà Bo Thị Tích	UBND xã Khánh Phú	2023	236/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	999	700	700
	Bê tông hóa đường từ đất ông Phạm Thái đến đất ông Tà Khân	UBND xã Khánh Phú	2023	237/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	999	700	700
	Bê tông hóa đường Cao Đàm đi Thác Ngựa	UBND xã Khánh Phú	2023	238/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	996	697	697
3	Xã Khánh Hiệp				2.210	1.547	1.547

	Tuyến từ điểm giữa C12 đất ông (Cao Văn Năng) đến điểm giữa C7 đất ông (Cao Thái Bình)	UBND xã Khánh Hiệp	2023	268/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	1.170	819	819
	Tuyến C14 từ K25 đến đất ông Cao Văn Thái	UBND xã Khánh Hiệp	2023	269/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	1.040	728	728
4	Xã Liên Sang				992	694	694
	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Sơ đến đất ông Pi Năng Huy	UBND xã Liên Sang	2023	171/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	992	694	694
B	CHƯA PHÂN BỐ						95.162

Phụ lục III

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023 (ĐỢT 1)**

(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND

ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã bố trí năm 2022	KH vốn năm 2023		
					Số; ngày, tháng, năm	TMĐT	Trong đó			Tổng tất cả nguồn vốn	Trong đó	
							NSTW	NS tỉnh			NS TW	NS tỉnh
	TỔNG SỐ									93.293	84.428	8.865
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT									57.713	55.931	1.782
I	Dự án chuyển tiếp									23.476	21.694	1.782
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt									402	402	
*	Huyện Khánh Vĩnh											
	Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Trung	2022-2023	743/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.869	3.365	353	3.316	402	402	
2	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống									5.750	5.750	
*	Huyện Cam Lâm											
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn đường từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Ban QLDA Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2022-2023	1398/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	9.212	9.212		3.462	5.750	5.750	

3	Dự án 5 - Tiểu dự án 1: đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh									14.315	12.649	1.666
	Trường Phổ thông DTNT Khánh Vĩnh (Hạng mục Nâng cấp, sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ giáo viên; nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch)	Phòng Giáo dục và Đào tạo Khánh Vĩnh	Trường PT DTNT Khánh Vĩnh	2022-2024	739/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	6.186	5.382	804	3.987	2.199	1.855	344
	Trường Phổ thông DTNT Cam Ranh (Hạng mục: Bổ sung phòng bộ môn; Nâng cấp khu nội trú; nâng cấp sửa chữa nhà ăn + nhà bếp; nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch; bổ sung nâng cấp công trình phụ trợ khác)	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	Trường PT DTNT Cam Ranh	2022-2024	1229/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	14.482	12.594	1.322	1.800	12.116	10.794	1.322
4	Dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch									3.009	2.893	116
*	Huyện Khánh Vĩnh									1.217	1.101	116
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Vĩnh	Phòng Văn hóa và Thông tin Khánh Vĩnh	24 thôn	2022-2024	740/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.617	4.015	422	3.220	1.217	1.101	116
*	Huyện Khánh Sơn									1.792	1.792	
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Sơn	Phòng Dân tộc Khánh Sơn	14 thôn	2022-2024	1842/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.937	3.424	360	1.992	1.792	1.792	
II	Dự án khởi công mới									34.237	34.237	
1	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống									34.237	34.237	

*	Huyện Khánh Vĩnh									18.354	18.354	
	Đường từ nhà ông Tạch Văn Du đến đất bà Vũ Thị Miên, xã Khánh Trung	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Trung	2023	1176/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.199	1.199			1.199	1.199	
	Đường từ suối Lau đi Chà Là, xã Khánh Trung	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Trung	2023	1177/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.199	1.199			1.199	1.199	
	Đường từ cống tràn suối Dầu vào khu sản xuất suối Dầu, xã Khánh Thượng	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thượng	2023	1178/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	991	991			991	991	
	Đường từ cống tràn qua nhà Ka Tơ Búi đến khu nhà ông Pi Năng Diệu	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thượng	2023	1179/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	996	996			996	996	
	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo thôn 6 đi xã Khánh Trung.	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Nam	2023	1180/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.999	1.999			1.999	1.999	
	Tuyến C5 từ đường đất ông Cao Ngọc Banh đến giáp Sông Chò (C5), xã Khánh Hiệp	Phòng KT&HT Khánh Vĩnh	Xã Khánh Hiệp	2023	1181/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	999	999			999	999	
	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Trung đến hộ ông Hà Na, xã Sơn Thái	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2023	1182/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	996	996			996	996	
	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Môn đến hộ ông Hà Văng	Phòng NN&PTNT Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2023	1183/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	999	999			999	999	
	Dự án đường sản xuất suối Siêu (Đoạn từ rẫy ông Cao Khiêm tới rẫy ông Cao Xuân)	Phòng KT&HT Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2023	1184/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	998	998			998	998	
	Đường vào khu sản xuất Gia Lê, xã Liên Sang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2023	1185/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.991	1.991			1.991	1.991	

	Tuyến H13 Từ điểm giữa T4 (nhà ông H Trây Y Din) đến khu ruộng suối Nước Nóng (H13)	Phòng KT&HT Khánh Vĩnh	Xã Khánh Hiệp	2023	1186/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	998	998			998	998	
	Bê tông hóa đường Cao Hiệp đi Cao Là Niên	Phòng KT&HT Khánh Vĩnh	Xã Khánh Phú	2023	1187/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	999	999			999	999	
	Đường vào khu sản xuất Ba Dùi từ TL8 nhà bà Lê Thị Phương Dung đến ruộng ông Lý Văn Cải	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình	2023	1188/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	1.194	1.194			1.194	1.194	
	Đường vào khu sản xuất thôn Bến Khế từ Nghĩa trang Bến Khế đến rẫy ông Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình	2023	1189/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	1.198	1.198			1.198	1.198	
	Đường vào khu sản xuất thôn Ba Dùi từ ngã ba rẫy ông Cao Sơn Dục đến rẫy ông Y Bloan	Phòng KT&HT Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình	2023	1190/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	999	999			999	999	
	Nâng cấp, sửa chữa đường từ đất ông Bùi Quang Khanh đến đất bà Phạm Thị Hòa, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	Phòng KT&HT Khánh Vĩnh	Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	1191/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	599	599			599	599	
*	Huyện Khánh Sơn									14.988	14.988	
	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, sân bóng đá mini cỏ nhân tạo	UBND xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2023	2482/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	2.998	2.998			2.998	2.998	
	Nâng cấp, mở rộng bên phải và bên trái cầu Ko Róa mới vào khu sản xuất xã Sơn Lâm	UBND xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2023	2483/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	1.999	1.999			1.999	1.999	
	Nâng cấp đường từ thôn Xà Bói đi thôn Tà Gụ	UBND xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2023	2484/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	1.999	1.999			1.999	1.999	
	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Sơn Hiệp	UBND xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2023	2485/QĐ- UBND ngày 05/12/2022	3.000	3.000			3.000	3.000	

	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Hai, thôn Ka Tơ	UBND xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2023	2486/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	997	997			997	997	
	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Me đi khu sản xuất Suối Lau	UBND xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2023	2487/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	998	998			998	998	
	Xây dựng tuyến đường từ tỉnh lộ 9 đi khu sản xuất thôn Tha Mang	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2023	2488/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	999	999			999	999	
	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2023	2490/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.998	1.998			1.998	1.998	
*	Huyện Diên Khánh									300	300	
	Đường vào đồng ruộng thôn Lỗ Gia (gđ 2)	Phòng Kinh tế Diên Khánh	Thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên	2023	300/QĐ-UBND/XD ngày 05/12/2022	300	300			300	300	
*	Thị xã Ninh Hòa									595	595	
	Đường BTXM đi từ nhà ông Cao Đất đi Suối Chinh thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc Ninh Hòa	Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2023	4717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	595	595			595	595	
B	CHƯA PHÂN BỐ									35.580	28.497	7.083

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 BỐ TRÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND

ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn bố trí đến năm 2022		Kế hoạch vốn bố trí năm 2023			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW	NS tỉnh		NS huyện	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ									84.399	78.311	6.088	167.225	151.325	15.900	
A	Tiểu dự án 1. hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKk vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo									84.399	78.311	6.088	103.153	87.253	15.900	
I	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo									79.259	73.171	6.088	98.653	82.753	15.900	
I.1	Huyện Khánh Vĩnh									70.779	64.691	6.088	54.785	41.126	13.659	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									25.000	25.000		10.000	10.000		
1	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Cái (xã Cầu Bà - Liên Sang)	Phòng NN&PTNT huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà, Liên Sang	2022-2025	670/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	80.000	80.000			25.000	25.000		10.000	10.000		
b	Giao thông									45.779	39.691	6.088	44.785	31.126	13.659	

1	Cầu Sông Trang	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2022-2023	666/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	79.955	79.955			25.000	25.000		17.749	17.749		
2	Nâng cấp, sửa chữa đường từ Cầu Giang Bay 1 qua khu dân cư Xóm Mới đến KSX Suối Lùn giáp Khánh Thành và Sông Cầu	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Phú	2022-2023	665/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	28.068	28.068			14.691	14.691		13.377	13.377		
3	Nâng cấp, sửa chữa đường K25 liên thôn Hòn Lay đi thôn Ba Dùi	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Hiệp	2022-2023	664/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	28.206		19.747	8.459	6.088		6.088	13.659		13.659	
I.2	Huyện Khánh Sơn									8.480	8.480		43.868	41.627	2.241	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									2.480	2.480		15.000	15.000		
1	Kè chống sạt lở sông Tô Hạp, đoạn qua xã Sơn Lâm và xã Thành Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Xã Sơn Lâm, Thành Sơn	2022-2025	2049/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	40.000	35.000			2.480	2.480		15.000	15.000		
b	Giao thông									6.000	6.000		28.868	26.627	2.241	
1	Xây dựng tuyến đường từ thôn Tha Mang, xã Ba Cùm Bắc đi thôn Tà Lương thị trấn Tô Hạp	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Bắc, Thị trấn Tô Hạp	2022-2025	2095/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	25.000	22.000			2.000	2.000		10.000	10.000		
2	Xây dựng tuyến đường từ thôn Dốc Gạo thị trấn Tô Hạp đi thôn Xóm Cỏ xã Sơn Bình	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Bình	2022-2025	2093/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	39.989	35.000			2.000	2.000		12.263	12.263		
3	Xây dựng tuyến đường từ thị trấn Tô Hạp đi thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Hiệp	2022-2025	2094/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	39.986	6.364	19.991		2.000	2.000		6.605	4.364	2.241	
II	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh)									5.140	5.140		4.500	4.500		

a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									500	500		500	500		
1	Xây dựng bờ kè thôn Khai Lương, đoạn trước Hợp tác xã	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khai Lương	2022-2023	173/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.000	1.000			500	500		500	500		
b	Giao thông									2.040	2.040		1.600	1.600		
1	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Phan Thành Long đến nhà ông Đào Văn Hoàn thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	180/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.149	1.149			640	640		500	500		
2	Xây dựng đường BTXM thôn Vĩnh Yên	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Vĩnh Yên	2022-2023	179/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.298	1.298			700	700		550	550		
3	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Bùi Văn Chính đến nhà ông Bùi Trọng Nhựt thôn Khai Lương	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khai Lương	2022-2023	181/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.294	1.294			700	700		550	550		
c	Cấp nước									700	700		500	500		
1	Bổ sung giếng khoan thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	174/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.299	1.299			700	700		500	500		
d	Công nghiệp (mạng lưới điện nông thôn, miền núi và hải đảo)									800	800		500	500		
1	Hệ thống điện chiếu sáng 03 thôn Ninh Tân, Ninh Đảo, Diệp Sơn (giai đoạn 2)	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân, Ninh Đảo, Diệp Sơn	2022-2023	176/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.399	1.399			800	800		500	500		
e	Văn hóa thông tin									1.100	1.100		1.400	1.400		
1	Xây dựng khu vui chơi, giải trí thể thao thôn Đầm Môn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Đầm Môn	2022-2023	178/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.199	1.199			600	600		500	500		
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	172/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.499	1.499			500	500		900	900		

B	Chưa phân bổ (hỗ trợ huyện Khánh Sơn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ)												64.072	64.072		Phân bổ chi tiết sau khi TTCP giao bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo QĐ số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của TTCP
---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--------	--------	--	---